

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SXKD NHIỆM KỶ 2013 – 2018
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG 2018-2023**

Kính thưa: - Quý vị Đại biểu.

- Toàn thể Cổ đông Công ty cổ phần VIMECO.

Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 là Đại hội hết Nhiệm kỳ Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2013-2018.

Giai đoạn 2013 đến hết 2017 là những năm vô cùng khó khăn đối với các Doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực Xây lắp, hạ tầng và kinh doanh bất động sản, đặc biệt 2 năm đầu nhiệm kỳ 2013 và 2014.

PHẦN I

THAY ĐỔI CỔ ĐÔNG VÀ NHÂN SỰ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. Hội đồng quản trị (nhiệm kỳ 2013-2018).

- Ông Nguyễn Quốc Hòa Chủ tịch HĐQT (từ ngày 18/7/2016)
- Ông Vũ Quý Hà Ủy viên HĐQT (Chủ tịch HĐQT đến ngày 18/7/2016)
- Ông Trần Việt Thắng Ủy viên HĐQT
- Ông Nguyễn Học Trình Ủy viên HĐQT, Tổng Giám Đốc, **Đại diện Pháp luật**, bổ nhiệm ngày 18/7/2016.
- Ông Trần Tuấn Anh Ủy viên HĐQT, Tổng Giám Đốc, **Đại diện Pháp luật**, miễn nhiệm ngày 17/7/2016.
- Ông Nguyễn Xuân Đông Ủy viên HĐQT (Bầu bổ sung tại ĐHĐCĐ ngày 07/4/2014
Miễn nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 26/6/2017)
- Ông Vương Xuân Bền Ủy viên HĐQT (Miễn nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 07/4/2014)
- Ông Bùi Thọ Hưng Ủy viên HĐQT
(Bầu bổ sung tại ĐHĐCĐ ngày 26/6/2017, Từ nhiệm ngày 16/11/2017).

II. Ban kiểm soát (nhiệm kỳ 2013-2018).

- Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang Trưởng Ban kiểm soát
- Ông Nguyễn Văn Hà Ủy viên Ban kiểm soát (Bầu bổ sung tại ĐHĐCĐ ngày 13/4/2015)
- Bà Lê Thị Phương Thảo Ủy viên Ban kiểm soát
(Bầu bổ sung tại ĐHĐCĐ ngày 26/6/2017)
- Bà Nguyễn Thị Huế Ủy viên Ban kiểm soát (Bầu bổ sung tại ĐHĐCĐ ngày 07/4/2014 và miễn nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 26/6/2017)

- Ông Phạm Tuấn Anh Ủy viên Ban kiểm soát (Miễn nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 07/4/2014)
- Bà Lê Hải Vân Ủy viên Ban kiểm soát (Miễn nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 13/4/2015)

PHẦN II

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA CÔNG TY 2013 - 2018

I. CÁC CHỈ TIÊU VỀ KẾT QUẢ SXKD:

Các số liệu chủ yếu:

TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ	2013	2014	2015	2016	2017
1	Σ GTSL	Tỷ đồng	788,87	947,57	1.332,88	1.400,10	1.894,57
2	Σ DT	Tỷ đồng	731,45	848,35	1.041,39	1.403,23	2.241,96
3	Σ LNTT	Tỷ đồng	12,79	23,29	31,70	37,50	287,79
4	Thu nhập BQ	Tr.Đồng/ng/tháng	5.500.000	6.000.000	7.500.000	9.000.000	13.500.000
5	Cổ tức	%	15	15	15	15	200

- Các chỉ tiêu giá trị sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, thu nhập bình quân và cổ tức của công ty đều có tăng trưởng ấn tượng và bền vững.
- Giai đoạn 2013-2014, mức tăng thu nhập bình quân của người lao động chưa phù hợp với mặt bằng chung của ngành nghề, xã hội, nhưng từ năm 2017 thu nhập bình quân/người đã phù hợp và đảm bảo người lao động yên tâm gắn bó lâu dài với công ty.
- Sau thời gian dài kể từ năm 2010 từ năm 2015, Công ty đã quay trở lại câu lạc bộ các doanh nghiệp có doanh thu năm tài chính trên 1.000 tỷ đồng. Đặc biệt năm 2017 nhờ có doanh thu từ dự án CT4 (949,372 tỷ đồng) đã đẩy doanh thu năm 2017 lên mức 2.241,96 tỷ đồng. Lợi nhuận cũng tăng trưởng vượt bậc lên mức 287,79 tỷ đồng.

II. ĐÁNH GIÁ CÁC BỘ PHẬN, LĨNH VỰC CHỦ CHỐT:

1. Công tác tài chính kế toán:

- Đảm bảo kịp thời đầy đủ nguồn vốn lưu động phục vụ SXKD, nguồn vốn trung hạn cho các dự án đầu tư với chi phí tài chính thấp nhất.
- Tập trung cho công tác thu hồi công nợ: bám sát quyết toán công trình cũ, thanh toán công trình mới, đối chiếu công nợ thường xuyên.
- Bám sát kế hoạch dòng tiền, giảm tối đa công nợ phải thu, chi phí SXKD dở dang.
- Sử dụng tốt, linh hoạt các kênh tài chính của các tổ chức tín dụng nhằm tối đa hóa các lợi ích tài chính.

2. Nâng cao năng lực cạnh tranh về thiết bị:

TT	NỘI DUNG	2013	2014	2015	2016	2017
1	Thanh lí	-	5,08	5,049	4,95	0,413
2	Đầu tư	8,47	38,724	60,812	88,023	53,19

- Tổng giá trị thanh lý: **15,495 tỷ đồng.**
- Tổng giá trị đầu tư: **249,219 tỷ đồng.**

3. Lĩnh vực SXKD Xây lắp:

- Đẩy mạnh công tác quyết toán thu hồi vốn các công trình đã kết thúc thi công, thu hồi vốn, tạo dòng tiền giảm chi phí tài chính.
- Tập trung nhân lực, thiết bị đẩy mạnh thi công các dự án có nguồn vốn rõ ràng.
- Rà soát giảm tối đa các chi phí phát sinh tại các công trình nhằm hạ giá thành nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Đẩy mạnh công tác tìm kiếm các dự án mới, ưu tiên các dự án có yếu tố nước ngoài, dòng tiền ổn định.
- Một số công trình có doanh thu lớn:
 - + Đà Nẵng Quảng Ngãi Gói 06: 226,72 tỷ đồng;
 - + Lọc hóa dầu Nghi Sơn: 331,82 tỷ đồng;
 - + Công Nghệ Cao Hòa Lạc: 158,90 tỷ đồng;
 - + Samsung Bắc Ninh: 139,07 tỷ đồng
 - + Samsung Thái Nguyên: 363,99 tỷ đồng

4. Lĩnh vực SXKD Vật liệu xây dựng:

- Hoạt động sản xuất VLXD giai đoạn từ năm 2013-2017 trong bối cảnh: Thị trường bê tông, đá xây dựng trên địa bàn Hà Nội có rất nhiều đơn vị cùng tham gia cung cấp nên cạnh tranh giữa các đơn vị cung cấp rất khốc liệt. Tuy nhiên với sự nỗ lực của Ban điều hành, sự quyết tâm của các bộ phận sản xuất, kết quả hoạt động SXKD của khối VLXD luôn đạt và vượt các chỉ tiêu được giao.
- Tăng cường công tác quản lý vật tư, sản xuất để hạ giá thành sản xuất.
- Tiếp tục tăng cường công tác thu hồi công nợ, đặc biệt các khoản nợ cũ.
- Tiếp cận các dự án, nhà thầu thi công có yếu tố nước ngoài, các chủ đầu tư có nguồn vốn tốt.
- Đảm bảo cung cấp kịp thời đá, bê tông cho các hoạt động thi công nội bộ của Công ty.
- Tìm kiếm các khách hàng có nhu cầu nguồn đá chất lượng cao (Bê tông nhựa) để cung cấp, mang lại lợi nhuận cao.

Các chỉ tiêu chủ yếu đã đạt được:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
1	Doanh thu VLXD	Tỷ đồng	350,839	323,450	497,070	617,724	564,306
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	4,150	4,800	10,700	13,700	16,167

5. Đầu tư kinh doanh bất động sản:

❖ Dự án CT4

- Dự án Đầu tư CT4 Triển khai thi công từ năm 2014 đã hoàn thành và đưa vào sử dụng quý IV năm 2017 với chất lượng thi công được đánh giá khá cao, là một trong số ít các công

trình đảm bảo công tác Phòng cháy chữa cháy, được cục giám định nhà nước cấp giấy phép đưa vào sử dụng ngay trong năm 2017.

- Thực hiện bàn giao: tính đến ngày 31/12/2017 đã bàn giao được 252 căn hộ chung cư và 29 sản văn phòng thương mại với doanh thu, lợi nhuận theo kế hoạch đặt ra.
- Giá trị sản lượng: 582,03/420,0 tỷ đồng, đạt 138,58% so kế hoạch năm 2017.
- Doanh thu: 949,37/800,0 tỷ đồng, đạt 118,67% so với kế hoạch năm 2017.
- Tiền thu về từ bàn giao căn hộ 354,53 tỷ đồng/350,0 tỷ đồng đạt 101,30% kế hoạch.
- Ngoài đóng góp lớn cho lợi nhuận năm 2017, phần các căn hộ bàn giao năm 2018 cũng sẽ đóng góp lớn các chỉ tiêu SXKD năm 2018.

❖ **Dự án Cao xanh Hà Khánh:**

- Cơ bản đã thống nhất với cơ quan định giá để xác định chính xác giá trị Công ty VIMECO đã đầu tư là: 31,3 tỷ đồng.
- Làm việc với các cơ quan chức năng tỉnh Quảng Ninh để thu hồi chi phí đã đầu tư tại Dự án.

6. Trường mẫu giáo VIMECO:

- Công ty Đầu tư, quản lý điều hành 01 Trường mầm non tại Tòa nhà CT 2 - VIMECO (Trung hòa 2). Trường mầm non VIMECO chính thức đi vào hoạt động ngày 17/8/2009.
- Đến nay, Nhà trường được Phòng Giáo dục Quận Cầu Giấy, phụ huynh và các hộ dân tin tưởng, đánh giá cao, luôn trong tình trạng có số học sinh nộp đơn xin học vượt năng lực đáp ứng của trường.
- Thầy cô giáo và học sinh của Trường tham gia tích cực nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ do Tổng Công ty, Công ty cũng như tổ dân phố tổ chức.

STT	Năm	2013	2014	2015	2016	2017
1	Số học sinh	300	310	300	303	300
2	Doanh thu (Đồng)	8,204	8,138	9,065	9,825	9,689
3	Lợi nhuận gộp (tỷ đồng)	1,1	1,05	1,02	1,004	0,945

7. Dịch vụ quản lý chung cư, văn phòng:

- Toàn bộ các diện tích văn phòng cho thuê đã được lấp kín, đã ổn định khách thuê lâu dài.
- Đảm bảo chất lượng dịch vụ cho các văn phòng và hộ dân ổn định, được Ban quản trị và Tổ dân phố đánh giá cao.

8. Góp vốn đầu tư vào các Công ty cổ phần:

(Đơn vị: Tỷ đồng)

TT	CÔNG TY	Số vốn góp	Ghi chú
A	Vốn góp		
1	Công ty cổ phần VIMECO Cơ khí và Thương mại	15,369	Hàng năm vẫn chi chi trả cổ tức đầy đủ
2	Công ty cổ phần VIPACO	5,312	Đã trích lập dự phòng tại

			mục B
3	Công ty cổ phần phát triển Nhân lực và Thương mại VINACONEX	1,300	Hàng năm vẫn chi trả cổ tức đầy đủ
4	Công ty cổ phần điện Bắc Miền Trung	0,690	Hàng năm vẫn chi trả cổ tức đầy đủ
6	Công ty cổ phần đá trắng Yên Bình	0,060	
B	Dự phòng giảm giá Đầu tư dài hạn	-5,312	
	Tổng cộng	17,419	

9. Công ty cổ phần VIMECO cơ khí và thương mại (VIMECO M&T):

VIMECO góp 15,369 Ti / 20 Ti Vốn Điều lệ (trương đương 76,85 % Vốn Điều lệ).

TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ	2013	2014	2015	2016	2017
1	Σ GTSL	Tỷ đồng	85,852	70,091	60,313	60,500	66,828
2	Σ DT	Tỷ đồng	92,324	60,108	54,653	60,867	65,532
3	Σ LN TT	Tỷ đồng	2,502	2,438	2,454	2,339	2,504
4	Thu nhập BQ	Tr.Đồng/ng/tháng	5,50	6,00	6,00	6,74	7,10
5	Cổ tức	%	7	7	7	7	7

PHẦN III :

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY 2013 - 2018

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

- Hội đồng quản trị thực hiện nghiêm túc các Quy định pháp luật, Điều lệ Công ty.
- Tổ chức thành công các kì họp Đại hội đồng cổ đông trong nhiệm kì của mình nghiêm túc, đúng luật.
- Ngay sau khi được Đại hội đồng Cổ đông thường niên tín nhiệm, các thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kì 2013 - 2018 đã xây dựng chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty.
- Định hướng chính: nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao năng lực cạnh tranh của thiết bị, củng cố và nâng cao hình ảnh, thương hiệu Công ty.

Các thành viên Hội đồng quản trị có tinh thần trách nhiệm cao, thực thi nhiệm vụ nghiêm túc vì sự phát triển Công ty, quyền lợi cổ đông cũng như đảm bảo quyền lợi người lao động.

Khó khăn chung toàn nền kinh tế ảnh hưởng tới công ăn việc làm, thu hồi công nợ, thực hiện các Chi tiêu tài chính chủ yếu. Hội đồng quản trị thống nhất cho rằng: kết quả những gì đã đạt được là sự cố gắng rất lớn của toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty, nhờ tinh thần đoàn kết, trách nhiệm cao của toàn thể Ban lãnh đạo.

Tuy nhiên, hoạt động của Hội đồng quản trị cũng còn nhiều hạn chế:

- Phương án chi trả thu nhập chưa khuyến khích được người lao động có năng lực, có tinh thần trách nhiệm. Từ đó dẫn tới khó tuyển dụng hoặc không giữ được người có năng lực.
- Chưa thuyết phục được Cổ đông lớn tính cấp bách khi cần tăng vốn Điều lệ. Vốn Điều lệ quá thấp gây khó khăn cho Ban điều hành trong hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Về cơ bản, Hội đồng quản trị nhận thấy: các thành viên Hội đồng quản trị đã hoàn thành tốt nhiệm vụ Cổ đông giao phó, các định hướng phát triển đều được điều chỉnh kịp thời khi tình hình biến động, bảo toàn và phát triển được giá trị Doanh nghiệp, mọi quyết định đều hướng tới vì quyền lợi của mọi Cổ đông và người lao động trong Công ty.

Tiếp tục củng cố và phát huy truyền thống đoàn kết, đồng thuận vì sự phát triển ổn định, bền vững. Kỉ luật lao động được giữ vững, đảm bảo chữ tín với khách hàng, nâng cao vị thế, thương hiệu Doanh nghiệp.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH:

Ban Điều hành công ty là một Tập thể đoàn kết, đồng thuận vì Mục tiêu chung của Doanh nghiệp.

Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc có tinh thần trách nhiệm, kỉ luật cao, chủ động, sáng tạo, dám chịu trách nhiệm cá nhân với nhiệm vụ được giao.

Với tình hình khó khăn chung toàn nền kinh tế, của thị trường xây lắp, thị trường bất động sản, những gì đã đạt được là sự cố gắng rất lớn của toàn thể cán bộ công nhân viên, trong đó có sự điều hành của Ban Điều hành công ty.

PHẦN IV
ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC ĐẾN NĂM 2023

- Tập trung phát triển và nâng cao ngành nghề cốt lõi: Hạ tầng kỹ thuật và và khu công nghiệp; Công trình giao thông; Bê tông thương phẩm và đá xây dựng.
- Tham gia Bất động sản khi có cơ hội.
- Là doanh nghiệp hàng đầu trong các lĩnh vực ngành nghề cốt lõi.

Để đáp ứng mục tiêu trên, cần tập trung:

1. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Xác định Con người quyết định sự thành - bại của Doanh nghiệp, là lợi thế cạnh tranh, tiếp tục đáp ứng được sự phát triển của Công ty.
- Tập trung đẩy mạnh công tác đào tạo, lựa chọn, bổ nhiệm cán bộ có chất lượng.
- Đầu tư cho đào tạo là đầu tư đem lại hiệu quả cao nhất cho Doanh nghiệp.

2. Đổi mới và nâng cao năng lực, chất lượng XMTB:

- Đến năm 2022, hầu hết xe máy, thiết bị đều được mua mới, đồng bộ và chỉ tập trung vào một số Hãng.

3. Xây dựng Hình ảnh - thương hiệu:

- Cùng việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đổi mới thiết bị - công nghệ, Công ty tiếp tục các Chính sách hướng tới xây dựng hình ảnh, phát triển thương hiệu.
- Thương hiệu mạnh chỉ có được khi biết phát huy truyền thống Văn hóa lành mạnh.
- Người đứng đầu phải là tấm gương tốt, có tầm nhìn dài hạn vì Tập thể, vì cộng đồng thì Văn hóa Doanh nghiệp mới trở thành nền tảng giúp Công ty phát triển ổn định, bền vững.

4. Đẩy mạnh Công tác đầu tư:

- Từng bước chuyển đổi mục đích sử dụng khu đất Cầu Bươu và Tây Mỗ.
- Tích cực tìm kiếm thêm đất Dự án cho các năm tiếp theo và khu đất công nghiệp (2ha) lắp đặt hệ thống trạm trộn Bê tông lâu dài cung cấp cho thị trường Hà Nội.
- Triển khai thực hiện dự án Khai thác đá xây dựng tại Phú Minh (Huyện Kỳ Sơn- Hòa Bình): diện tích 20ha, trữ lượng khoảng: 10 triệu m³ đá.

PHẦN V

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

I. KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2017 CỦA CÔNG TY ME:

1. Các chỉ tiêu chủ yếu:

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ % Thực hiện so Kế hoạch
I	TỔNG DOANH THU	2.031,00	2.241,965	110,39
1	Hoạt động thi công xây lắp	680,00	690,905	101,60
2	Hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng	518,00	564,306	108,94
3	Hoạt động đầu tư kinh doanh bất động sản	800,00	949,372	118,67
4	Hoạt động kinh doanh khác (giáo dục, dịch vụ, cho thuê văn phòng)	33,00	37,382	113,28
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	35,00	54,887	156,82
III	CHÊNH LỆCH THU CHI HỆ TÀI CHÍNH	(-4,00)	(-0,533)	13,32
IV	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	196,00	287,428	146,65
V	THU NHẬP BÌNH QUÂN (TRIỆU ĐỒNG)	10,00	13,50	135,00
VI	CỔ TỨC	100%	200%	200%

2. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017
I	Cơ cấu tài sản và nguồn vốn			
1	Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	1.751,62	1.811,258
2	Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	217,07	201,024
3	Nợ phải trả	Tỷ đồng	1.710,01	1.554,490
4	Nguồn vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	258,48	457,793
5	Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.968,69	2.012,283
II	Chi phí			
1	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tỷ đồng	29,00	54,882
	<i>Trong đó: Trích lập DP phải thu khó đòi</i>	Tỷ đồng	5,50	15,888
2	Chi phí tài chính	Tỷ đồng	20,67	30,598
3	Thu nhập tài chính	Tỷ đồng	16,32	30,064
III	Khả năng sinh lời			
1	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	28,00	230,471

2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.343,00	2.241,965
3	EBIT (Lợi nhuận trước lãi vay và thuế)	Tỷ đồng	55,67	288,328

- ✓ Theo Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 do Đại hội cổ đông thường niên phê duyệt, Doanh thu của Công ty đạt: 110,38% và lợi nhuận trước thuế đạt: 146,65%.
- ✓ Thu nhập của người lao động từng bước được nâng lên, đạt 135% so với kế hoạch.

3. Tình hình vay và trả nợ vay:

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu chủ yếu	1/1/2017	31/12/2017
I	Vay và nợ ngắn hạn	411,861	321,815
II	Vay và nợ dài hạn	33,605	48,950
	Tổng cộng	445,466	370,765

4. Tiền và các khoản tương đương tiền:

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu chủ yếu	1/1/2017	31/12/2017
1	Tiền gửi không kỳ hạn	156,452	219,942
2	Tiền gửi có kỳ hạn	397,169	268,000
	Tổng cộng	553,621	505,942

+ Lãi suất vay vốn ngắn hạn: 6,0%- 6,2%/năm.

+ Lãi suất vay vốn dài hạn: 9,0%-9,5%/năm.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2018:

1. Định hướng

- Phát huy thế mạnh truyền thống của Công ty: Xây lắp hạ tầng và sản xuất VLXD.
- Hoàn thành bàn giao và quyết toán Dự án CT4.

2. Các chỉ tiêu kinh tế của Công ty mẹ:

Căn cứ thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban điều hành đã rà soát tình hình của các lĩnh vực, dự kiến kết quả SXKD năm 2018 như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2017	Dự kiến kế hoạch năm 2018	Tỷ lệ % TH so KH
I	TỔNG DOANH THU	2.241,965	1.604,000	71,55
1	Hoạt động thi công xây lắp	690,905	680,000	98,42
2	Hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng	564,306	441,000	78,15
3	Hoạt động đầu tư kinh doanh bất động sản	949,372	450,000	47,40
4	Hoạt động kinh doanh khác (giáo dục, dịch vụ, cho thuê văn phòng)	37,382	33,000	88,28

II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	54,887	50,000	91,10
III	CHÊNH LỆCH THU CHI HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	(-0,533)	(-10,000)	1.876,17
IV	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	287,428	146,500	50,97
V	THU NHẬP BÌNH QUÂN (TRIỆU ĐỒNG)	13,50	13,00	96,30
VI	CỔ TỨC	200% (*)	50% (**)	25,00(***)
VII	ĐẦU TƯ XMTB	48,355	185,600	383,83

(*) Tỷ lệ cổ tức tương ứng với Vốn điều lệ công ty là 100,00 tỷ đồng, tỷ lệ 200% căn cứ theo tờ trình phân phối lợi nhuận của Hội đồng quản trị, giá trị thực tế được thông qua tại đại hội đồng cổ đông g).

(**) Tỷ lệ cổ tức tương ứng với Vốn điều lệ 200,00 tỷ đồng nếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại tờ trình tăng vốn điều lệ.

(***) Tỷ lệ đã tính đến mức tăng vốn điều lệ từ 100,00 tỷ lên 200,00 tỷ đồng nếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại tờ trình tăng vốn điều lệ.

3. Các giải pháp thực hiện:

3.1 Thi công xây lắp:

- Đẩy mạnh công tác quyết toán thu hồi vốn các công trình đã kết thúc thi công, thu hồi vốn, tạo dòng tiền giảm chi phí tài chính.
- Tập trung nhân lực, thiết bị đẩy mạnh thi công các dự án có nguồn vốn rõ ràng.
- Rà soát giảm tối đa các chi phí phát sinh tại các công trình nhằm hạ giá thành nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Đẩy mạnh công tác tìm kiếm các dự án mới, ưu tiên các dự án có yếu tố nước ngoài, dòng tiền ổn định.

3.2 Sản xuất VLXD:

- Tổ chức tốt việc sản xuất bê tông tại các Trạm bê tông Đà Nẵng, Vĩnh Tân 4, Tây Mỗ, Phạm Văn Đồng.
- Tăng cường công tác quản lý vật tư, sản xuất để hạ giá thành sản xuất.
- Tiếp tục tăng cường công tác thu hồi công nợ, đặc biệt các khoản nợ cũ.
- Tiếp cận các dự án, nhà thầu thi công có yếu tố nước ngoài, các chủ đầu tư có nguồn vốn tốt.
- Đảm bảo cung cấp kịp thời đá, bê tông cho các hoạt động thi công nội bộ của Công ty.
- Tìm kiếm các khách hàng có nhu cầu nguồn đá chất lượng cao (Bê tông nhựa) để cung cấp, mang lại lợi nhuận cao.

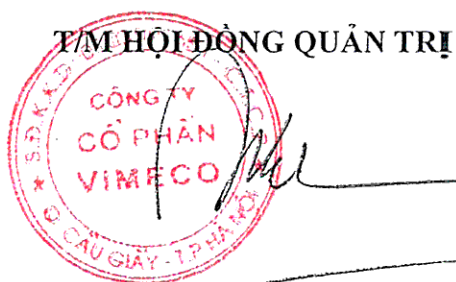
3.3 Công tác tài chính:

- Đảm bảo kịp thời đầy đủ nguồn vốn lưu động phục vụ SXKD, nguồn vốn trung hạn cho các dự án đầu tư với chi phí tài chính thấp nhất.
- Tập trung cho công tác thu hồi công nợ: bám sát quyết toán công trình cũ, thanh toán công trình mới, đối chiếu công nợ thường xuyên.
- Bám sát kế hoạch dòng tiền, giảm tối đa công nợ phải thu, chi phí SXKD dở dang.

- Sử dụng tốt, linh hoạt các kênh tài chính của các tổ chức tín dụng nhằm tối đa hóa các lợi ích tài chính.

3.4 Công tác đầu tư:

- Đẩy mạnh công tác đầu tư nâng cao năng lực thiết bị.
- Từng bước chuyển đổi mục đích sử dụng khu đất Cầu Bươu và Tây Mỗ.
- Tích cực tìm kiếm thêm đất Dự án cho các năm tiếp theo và khu đất công nghiệp (2ha) lắp đặt hệ thống trạm trộn Bê tông lâu dài cung cấp cho thị trường Hà Nội.
- Triển khai thực hiện dự án Khai thác đá xây dựng tại Phú Minh (Huyện Kỳ Sơn- Hòa Bình): diện tích 20ha, trữ lượng khoảng: 10 triệu m³ đá.
- Lựa chọn thời điểm hợp lý để đầu tư các dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công và sản xuất VLXD.



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Nguyễn Quốc Hòa



VIMECO

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO
CÁC CHỈ TIÊU TỔNG HỢP SXKD NĂM 2017
VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2018**

Phụ lục 01

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đ/v tính	Kế hoạch năm 2017 (theo NQ ĐHCĐ)	Thực hiện năm 2017	% so với kế hoạch 2017	Kế hoạch năm 2018	% tăng trưởng 2018 so với 2017
A	1	2	3	4	5	6	7
I	TỔNG GIÁ TRỊ SẢN XUẤT KINH DOANH	Tr. Đồng	1.700.000	2.022.173	118,95	1.341.050	(33,68)
1	Xây lắp	Tr. Đồng	729.000	709.640	97,34	740.000	4,28
2	Sản xuất công nghiệp, vật liệu xây dựng	Tr. Đồng	518.000	565.509	109,17	448.050	(20,77)
3	Kinh doanh bất động sản và hạ tầng	Tr. Đồng	420.000	709.642	168,96	120.000	(83,09)
4	Sản xuất, kinh doanh khác	Tr. Đồng	33.000	37.382	113,28	33.000	(11,72)
II	TỔNG DOANH THU	Tr. Đồng	2.031.000	2.241.965	110,39	1.604.000	(28,46)
1	Xây lắp	Tr. Đồng	680.000	690.905	101,60	680.000	(1,58)
2	Sản xuất công nghiệp, vật liệu xây dựng	Tr. Đồng	518.000	564.306	108,94	441.000	(21,85)
3	Kinh doanh bất động sản và hạ tầng	Tr. Đồng	800.000	949.372	118,67	450.000	(52,60)
4	Sản xuất, kinh doanh khác	Tr. Đồng	33.000	37.382	113,28	33.000	(11,72)
III	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	Tr. Đồng	196.000	287.795	146,83	146.500	(49,10)
1	Xây lắp	Tr. Đồng	17.000	14.130	83,12	15.500	9,70
2	Sản xuất công nghiệp, vật liệu xây dựng	Tr. Đồng	13.500	16.167	119,76	10.500	(35,05)
3	Kinh doanh bất động sản và hạ tầng	Tr. Đồng	160.000	250.244	156,40	116.000	(53,65)
4	Sản xuất, kinh doanh khác	Tr. Đồng	5.500	7.254	131,89	4.500	(37,97)
IV	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	Tr. Đồng	156.800	230.471	146,98	117.200	(49,15)
V	TỶ LỆ CỔ TỨC	%	100	200	200,00	100	(50,00)
VI	VỐN CHỦ SỞ HỮU (mã số 410 trên BCTC)	Tr. Đồng	305.000	457.493	150,00	500.000	9,29
	Trong đó: - Vốn điều lệ (mã số 411 trên BCTC)	Tr. Đồng	200.000	100.000	50,00	200.000	100,00
	- Giá trị vốn góp của Tổng công ty (mệnh Giá)	Tr. Đồng	51.409	51.409	100,00	51.409	-
	- Tỷ lệ góp vốn của Tổng công ty	%	51.409	51.409	100,00	51.409	-
VII	KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	Tr. Đồng	38.000	29.847	78,54	30.000	0,51
VIII	NỢP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	Tr. Đồng	45.000	48.009	106,69	80.000	66,64
1	Số phải nộp	Tr. Đồng	45.000	91.396	203,10	80.000	(12,47)
2	Số đã nộp	Tr. Đồng	45.000	48.009	106,69	80.000	66,64
IX	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	Tr. Đồng					
1	Đầu tư thiết bị	Tr. Đồng	104.600	53.190	50,85	185.600	249
2	Đầu tư mô đá Phú Minh	Tr. Đồng	75.225	1.183	0,002	24.970	2.110.635
X	LAO ĐỘNG VÀ TIỀN LƯƠNG	Tr. Đồng					
1	Lao động sử dụng bình quân (cả thuê ngoài)	Người	1200	1200	100,00	1200	-
2	Lao động sử dụng bình quân (Riêng Công ty)	Người	800	810	101,25	850	4,94
3	Thu nhập bình quân người/tháng	1000 đ	10,00	13,50	135,00	13,00	(3,70)
4	Tỷ lệ tiền lương/doanh thu	%	14,0	14,0	100,00	14,0	-
XI	THÙ LAO HĐQT, BKS	Tr. Đồng	372	322	86,56	372	15,53



VIMECO

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO
DỰ KIẾN KẾ HOẠCH SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP, VẬT LIỆU XÂY DỰNG CHỦ YẾU NĂM 2018

Phụ lục số: 02

TT	Các sản phẩm chủ yếu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2017		Kế hoạch năm 2018			Ghi chú	
			Khối lượng	Đơn giá bình quân	Thành tiền (đồng)	Khối lượng	Đơn giá bình quân		Thành tiền (đồng)
I	2	3	4	5	6=4x5	7	8	9=7x8	10
I	Bê tông các loại	m³	466.009		558.293.074.428	420.000		450.000.000.000	
1	Cấp nội bộ	m ³	27.160	1.092.597	29.674.929.350	40.000	930.000	37.200.000.000	Tính vào xây lắp
2	Cấp ngoài	m ³	438.849	1.204.556	528.618.145.078	380.000	1.086.316	412.800.000.000	
II	Đá các loại	m³	404.322		52.868.410.018	300.000		55.250.000.000	
1	Cấp nội bộ	m ³	88.374	180.779	15.976.133.416	100.000	200.000	20.000.000.000	Tính vào bê tông
2	Cấp ngoài	m ³	315.948	116.767	36.892.276.602	200.000	175.000	35.250.000.000	

PHẠO 02/10/11



CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO
GIÁ TRỊ DOANH THU THỰC HIỆN NĂM 2017

Phụ lục số: 03

VIMECO

TT	Công trình	Kê hoạch doanh thu năm 2017	Doanh thu năm 2017	Ghi chú
1	2	4	4	5
A	Dự án xây lắp	680.047.810.800	690.904.994.398	
I	Các công trình đã thi công	29.000.000.000	29.000.000.000	
1	97-99 Láng Hạ	2.000.000.000	2.000.000.000	
2	BOT Hà nội - Bắc Giang	10.000.000.000	10.000.000.000	
3	Đường Láng Hòa Lạc	10.000.000.000	10.000.000.000	
4	Bảo tàng Hà nội	7.000.000.000	7.000.000.000	
II	Các công trình chuyển tiếp	295.447.810.800	321.450.000.000	
1	Đà Nẵng Quảng Ngãi - Gói 6	62.050.000.000	62.050.000.000	
2	Lọc hóa dầu Nghi Sơn	30.000.000.000	30.000.000.000	
3	CT3 Nam Thăng Long	19.000.000.000	19.000.000.000	
4	Samsung Bắc Ninh	2.000.000.000	28.000.000.000	
5	536A Minh Khai cọc đại trà, đào đất	8.000.000.000	8.000.000.000	
6	536A Minh Khai móng, tầng hầm	2.000.000.000	2.000.000.000	
7	Công nghệ cao Hòa Lạc	76.500.000.000	76.500.000.000	
8	Cọc khoan nhồi tường vây Ciputra	77.397.810.800	77.400.000.000	
	Ecopark (Móng B1)	18.500.000.000	6.500.000.000	
	Ecopark (Hạ tầng)		12.000.000.000	
II	Các công trình triển khai năm 2017	355.600.000.000	340.454.994.398	
1	C5 Xuân Đình	40.000.000.000	40.000.000.000	
2	Contrexim Dương Đình Nghệ (CKN, TV, móng tầng hầm)	91.600.000.000	91.600.000.000	
3	Cọc nhồi, tường vây 2T Phạm Văn Đồng-GP Invest	32.000.000.000	32.000.000.000	
4	Chung cư Đông Đô Ciputra	24.000.000.000	24.000.000.000	
5	Dự án thủy điện Ngòi Phát mở rộng - Lào Cai	24.000.000.000	24.000.000.000	
6	Sam sung Bắc Ninh còn lại	26.000.000.000	10.854.994.398	
7	Hạ tầng Samsung Thái Nguyên, Bắc Ninh	26.000.000.000	26.000.000.000	
8	Các công trình giao thông và hạ tầng khác	92.000.000.000	92.000.000.000	
B	Sản xuất Vật liệu xây dựng:	518.000.000.000	564.305.883.442	
1	Sản xuất Bê tông	483.000.000.000	526.349.027.961	
2	Đá xây dựng	35.000.000.000	37.956.855.481	
C	Kinh doanh bất động sản và hạ tầng	800.000.000.000	949.372.007.540	
D	Kinh doanh khác:	33.000.000.000	37.382.577.081	
	Tổng cộng A+B+C+D	2.031.047.810.800	2.241.965.462.461	



CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO
GIÁ TRỊ SXKD DỰ KIẾN THỰC HIỆN NĂM 2018

VIMECO

Phụ lục số: 04

TT	Công trình	Dự kiến kế hoạch sản lượng năm 2018	Dự kiến kế hoạch doanh thu năm 2018	Ghi chú
1	2	3	4	5
A	Dự án xây lắp (I+II+III)	740.000.000.000	680.000.000.000	
I	Các công trình đã thi công	19.390.000.000	82.450.000.000	
1	Công nghệ cao Hòa Lạc	19.390.000.000	26.670.000.000	
2	CT3 Nam Thăng Long Ciputra		47.230.000.000	
3	BOT Hà nội - Bắc Giang		4.000.000.000	
4	CT3 Nam Thăng Long		2.050.000.000	
5	97-99 Láng Hạ		2.500.000.000	
II	Các công trình chuyển tiếp	94.610.000.000	150.290.000.000	
1	Khoan cọc nhồi, tường vây tầng hầm D32 Dương Đình Nghệ		2.070.000.000	
2	Hạ tầng An Khánh-TCT Vinaconex	17.810.000.000	18.240.000.000	
3	Samsung Thái Nguyên	27.240.000.000	26.200.000.000	
4	Samsung Thái Nguyên (Cầu đi bộ)	5.860.000.000	4.680.000.000	
5	Móng và tầng hầm DA Hateco Plaza	9.180.000.000	20.350.000.000	
6	Cọc TN, cọc đại trà, móng và tầng hầm CT 67A Trương Định	5.070.000.000	16.220.000.000	
7	Khoan cọc nhồi, cọc đại trà, tường vây 622 Minh Khai	26.630.000.000	37.750.000.000	
8	C5 Xuân Đình	2.820.000.000	24.780.000.000	
II	Các công trình dự kiến triển khai năm 2018	626.000.000.000	447.260.000.000	
1	Dự án 93 Láng Hạ	50.000.000.000	38.640.000.000	
2	Cọc nhồi, tường vây, tầng hầm T2 Phạm Văn Đồng	60.000.000.000	46.360.000.000	
3	Tầng hầm Telim 622 Minh Khai	66.000.000.000	51.000.000.000	
4	Samsung Bắc Ninh	80.000.000.000	61.820.000.000	
5	Cụm dự án Quảng Ninh	120.000.000.000	92.730.000.000	
6	Cụm dự án Đà Nẵng	100.000.000.000	77.270.000.000	
7	Các công trình giao thông và hạ tầng khác	150.000.000.000	79.440.000.000	
B	Sản xuất Vật liệu xây dựng:	448.050.000.000	441.000.000.000	
1	Sản xuất Bê tông	412.800.000.000	412.800.000.000	
2	Đá xây dựng	35.250.000.000	28.200.000.000	
C	Kinh doanh bất động sản và hạ tầng	120.000.000.000	450.000.000.000	
D	Kinh doanh khác:	33.000.000.000	33.000.000.000	
	Tổng cộng A+B+C+D	1.341.050.000.000	1.604.000.000.000	



CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO
DANH MỤC ĐẦU TƯ, THANH LÝ XE MÁY THIẾT BỊ NĂM 2017

VIMECO
I THANH LÝ XMTB

Phụ lục 5

TT	Tên thiết bị	Đ/v tính	Số lượng	Giá trị chưa gồm VAT (vnd)	Ghi chú
1	Xe ô tô Mercedes 29U-6779	Chiếc	1	50.000.000	
2	Xe ô tô Camry 29S-4889	Chiếc	1	68.181.818	
3	Xe ô tô Hyundai 15T 29U-5852	Chiếc	1	257.272.727	Công ty bảo hiểm đền bù tiền và thu hồi tài sản
Tổng cộng			3	<u>375.454.545</u>	

II ĐẦU TƯ XE MÁY THIẾT BỊ					
TT	Tên thiết bị	Đ/v tính	Số lượng	Giá trị hợp đồng chưa gồm VAT (vnd)	Ghi chú
1	Máy lu tĩnh Bomag	Chiếc	1	1.500.000.000	
2	Máy san Komatsu GD655	Chiếc	1	2.490.909.091	
3	Máy xúc lật Kawasaki 80Z5	Chiếc	1	3.927.272.727	
4	Máy khoan cọc nhồi Sany	Chiếc	2	36.982.000.000	
5	Máy kiểm tra lỗ khoan Kodentest	Chiếc	1	1.437.030.000	
6	Xe tải gấn cầu	Chiếc	1	2.018.181.818	
Tổng			7	<u>48.355.393.636</u>	



CÔNG TY CỔ PHẦN VIMECO
DANH MỤC ĐẦU TƯ, THANH LÝ XMTB DỰ KIẾN NĂM 2018

VIMECO

A THANH LÝ XMTB

Phụ lục 6

TT	Tên thiết bị	Đ/v tính	Số lượng	Giá trị thanh lý dự kiến (vnd)	Ghi chú
1	Xe ô tô con Mitsubishi 29T-5879	chiếc	1	200.000.000	
2	Xe vận chuyển bê tông Daewoo, Mitsubishi	chiếc	8	3.200.000.000	
3	Xe ô tô tự đổ Hyundai 15T	chiếc	5	1.000.000.000	
4	Máy đào CAT 302.5	chiếc	1	25.000.000	
5	Máy đào Komatsu PC50	chiếc	1	100.000.000	
6	Máy lu rung Sakai SV500	chiếc	1	200.000.000	
7	Máy ủi Komatsu D60P-8	chiếc	1	150.000.000	
8	Máy xúc lật Komatsu WA300; WA300-1	chiếc	2	400.000.000	
9	Máy cầu xích Hitachi KH180+giàn đóng cọc	bộ	1	1.000.000.000	
10	Máy phát điện Nes400	chiếc	1	200.000.000	
11	Trạm trộn bê tông KYC 60m ³ /h	trạm	1	800.000.000	
12	Trạm trộn bê tông KYC 90m ³ /h	trạm	1	1.200.000.000	
13	Búa đóng cọc K35	chiếc	1	50.000.000	
14	Búa đóng cọc MH45	chiếc	1	80.000.000	
15	Bơm vữa néo Putzmeister	chiếc	2	6.000.000	
16	Đầu khoan Sanwa (khoan điện)	Bộ	1	50.000.000	
17	Máy trộn bê tông động cơ điện	cái	1	10.000.000	
18	Máy trộn bê tông động cơ Diezen	cái	1	10.000.000	
19	Máy nén khí động cơ điện, dung tích bình khí nén 140 lít	cái	1	3.000.000	
Tổng cộng			32	<u>8.684.000.000</u>	

B ĐẦU TƯ XE MÁY THIẾT BỊ

TT	Tên thiết bị	Đ/v tính	Số lượng	Giá trị đầu tư dự kiến (vnd)	Ghi chú
I Các XMTB đang thực hiện dở dang năm 2017					
1	Máy cạp tường vây, bề rộng tường 600-1200, chiều sâu tối đa 60m	Chiếc	1	25.000.000.000	Mới 100%
2	Máy cầu xích, tải trọng 55-60 tấn	Chiếc	1	13.000.000.000	Mới 100%
3	Xe ô tô vận chuyển bê tông dung tích ≤12m ³ /thùng	Chiếc	5	10.500.000.000	Mới 100%
4	Xe ô tô tải tự đổ 15 tấn	Chiếc	5	10.000.000.000	Mới 100%
5	Xe ô tô con 5 chỗ	Chiếc	1	2.500.000.000	Mới 100%
			13	<u>61.000.000.000</u>	
II Các XMTB đề xuất đầu tư mới					
1	Máy xúc lật, gầu 3,2-4 m ³ /gầu	chiếc	2	9.000.000.000	Mới 100%
2	Xe vận chuyển bê tông, công suất <12m ³ /thùng	chiếc	5	10.500.000.000	Mới 100%
3	Xe ô tô con 7 chỗ	chiếc	2	7.000.000.000	Mới 100%
4	Xe tải ben, tải trọng ≤ 18 tấn	chiếc	5	10.000.000.000	Mới 100%
5	Máy đào xích dung tích 0,8-1,4 m ³ /gầu	chiếc	2	7.700.000.000	Mới 100%
6	Cầu bánh lốp 20-25 tấn	chiếc	1	11.000.000.000	Mới 100%
7	Máy ủi, công suất <130 Hp	chiếc	2	10.000.000.000	Mới 100%
8	Máy lu rung, lực rung 25-30 tấn	chiếc	2	3.400.000.000	Mới 100%

9	Máy san, lưới san $\leq 3,7m$	chiếc	2	9.000.000.000	Mới 100%
10	Máy phát điện 200-400KVA	chiếc	2	4.000.000.000	Mới 100%
11	Dây chuyền nghiền sàng đá công suất 250T/h	dây chuyền	1	25.000.000.000	Mới 100%
12	Dây chuyền nghiền sàng đá công suất 80T/h	dây chuyền	1	18.000.000.000	Mới 100%
			27	<u>124.600.000.000</u>	
Tổng I+II				<u>185.600.000.000</u>	